

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc mua cây giống thực hiện Đề án một tỷ cây xanh, tết trồng cây và trồng cây phân tán từ nguồn vốn chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022-2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 103/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 44/2017/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh; số 39/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 148/QĐ-UBND 16/01/2023 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022; số 1920/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 459/KH-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Kết luận số 586/KL-HĐTĐG ngày 24/11/2023 của Hội đồng thẩm định giá Nhà nước thường xuyên cấp tỉnh về kết quả thẩm định giá;

Xem xét ý kiến, đề xuất của Chi cục Kiểm lâm tại Tờ trình số 902/TTr-KL ngày 24/11/2023 và Văn bản số 908/KL-TCHC ngày 28/11/2023, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 3493/SNN-KHTC ngày 27/11/2023; theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 5265/STC-GCS&TCĐN ngày 30/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mua cây giống thực hiện Đề án một tỷ cây xanh, tết trồng cây và trồng cây phân tán từ nguồn vốn chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022-2023, với các nội dung sau:

1. Đơn vị mua sắm: Chi cục Kiểm lâm Hà Tĩnh.
2. Danh mục mua sắm: Chi tiết danh mục gồm chủng loại, số lượng, giá dự toán tại Phụ lục kèm theo.
3. Nguồn kinh phí: Ngân sách Nhà nước (được bố trí tại Quyết định số 148/QĐ-UBND 16/01/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022; Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2023).
4. Phương thức mua sắm: Đơn vị được mua sắm tự tổ chức thực hiện mua sắm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chi cục Kiểm lâm (đơn vị mua sắm) căn cứ quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, chủ động xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gửi Sở Tài chính để thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định về đấu thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ từ nguồn ngân sách Nhà nước.

2. Trong mọi trường hợp, Sở Tài chính (cơ quan thẩm định mua sắm tài sản), Chi cục Kiểm lâm (đơn vị mua sắm tài sản) phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác của thông tin, số liệu, nội dung mua sắm, sự phù hợp với các quy định của pháp luật; các kiến nghị, tham mưu đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh mua sắm tài sản và toàn bộ quá trình thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, TH, NL₄.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

Phụ lục
Danh mục hàng hoá, dịch vụ mua sắm
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Cây giống				1.809.063.000
1	Cây giống Xà Cừ Cây có bầu (kích cỡ bầu tối thiểu 30cm-35cm) hoặc được đánh rễ, cây giống từ 20 tháng tuổi trở lên, đường kính cổ rễ 23-30mm, chiều cao không tính bầu 2-3m	Cây	5.295	49.000	259.455.000
2	Cây giống Sao Đen Cây có bầu (kích cỡ bầu tối thiểu 30cm-35cm) hoặc được đánh rễ, cây giống từ 20 tháng tuổi trở lên, đường kính cổ rễ 23-30mm, chiều cao không tính bầu 2-3m	Cây	4.466	64.000	285.824.000
3	Cây giống Sầu Cây có bầu (kích cỡ bầu tối thiểu 30cm-35cm) hoặc được đánh rễ, cây giống từ 20 tháng tuổi trở lên, đường kính cổ rễ 23-30mm, chiều cao không tính bầu 2-3m	Cây	4.125	50.000	206.250.000
4	Cây Bằng lăng Cây có bầu (kích cỡ bầu tối thiểu 30cm-35cm) hoặc được đánh rễ, cây giống từ 20 tháng tuổi trở lên, đường kính cổ rễ 23-30mm, chiều cao không tính bầu 2-3m	Cây	4.405	85.000	374.425.000
5	Cây Xoài Cây có bầu (kích cỡ bầu tối thiểu 30cm-35cm) hoặc được đánh rễ, cây giống từ 20	Cây	5.266	60.750	319.909.500

	tháng tuổi trở lên, đường kính cổ rễ 23-30mm, chiều cao không tính bầu 2-3m				
6	Cây Lim xanh Cây có bầu (kích cỡ bầu tối thiểu 10cm-16cm), cây giống từ 12 tháng tuổi trở lên, đường kính cổ rễ >7mm, chiều cao không tính bầu 50-70cm	Cây	400	5.500	2.200.000
7	Cây Sưa Cây có bầu (kích cỡ bầu tối thiểu 10cm-16cm), cây giống từ 12 tháng tuổi trở lên, đường kính cổ rễ >10mm, chiều cao không tính bầu 70-100cm	Cây	300	20.000	6.000.000
8	Cây Keo lai dâm hom Cây có bầu (kích cỡ bầu tối thiểu 6cm-10cm), cây giống từ 2 tháng tuổi trở lên, đường kính cổ rễ 3-4mm, chiều cao không tính bầu 25-35cm	Cây	500.000	710	355.000.000
II	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu (theo khoản 3, khoản 4 Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP)				3.600.000
Tổng cộng					1.812.663.500

Bảng chữ: Một tỷ, tám trăm mười hai triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, năm trăm đồng.